

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT**

Số: .12../2026/CV-HP

(V/v: Công khai thông tin về năng lực hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát;
- ĐKKD số 0102668815 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/3/2008, thay đổi lần 5 ngày 09/5/2025;
- Địa chỉ: Nhà M3-2 Khu B Tập thể trường đại học Mỏ địa chất, phường Đông Ngạc, Tp. Hà Nội;
- VPGD: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội;
- Email: Pkt.hopphat@gmail.com
Lasxd24.136@gmail.com
- Website: hopphat.info;
- Điện thoại: 0243 55 76 924;
- Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm kiểm định xây dựng;
- Địa chỉ PTN: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội;
 - Trạm thí nghiệm hiện trường đặt tại thôn A Liêng, Xã Tà Rụt, tỉnh Quảng Trị.
 - Thời gian dự kiến hoạt động: tháng 9/2026 đến tháng 3/2028.



2. Thông tin về năng lực Trạm thí nghiệm hiện trường của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Dự án: Thủy điện Đakrông 5.
- Danh sách nhân sự thí nghiệm: danh sách kèm theo.
- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng: danh sách kèm theo.
- Danh mục thiết bị thí nghiệm chính: danh sách kèm theo.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của nội dung công bố. Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố. Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp và được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu đã được công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.
- Lưu văn thư;

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Quang Hiệp

Danh sách nhân sự Trạm thí nghiệm hiện trường
(Kèm theo Công văn số: ...12.../2026/CV-HP ngày .3. tháng .9.. năm 2026)

TT	Chức danh – Họ tên	Nhiệm vụ - chức năng	Ghi chú
1	Trưởng trạm TN – Nguyễn Thành Nam	Phụ trách chính công tác hiện trường; kiểm tra công tác thực hiện thí nghiệm; thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm.	
2	Trần Thanh Hùng	Thực hiện công tác thí nghiệm	
3	Cao Văn Hoài	Thực hiện công tác thí nghiệm	

Danh mục phép thử tại Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: ...12.../2026/CV-HP ngày .3. tháng .9. năm 2026)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
7	Xác định cường độ nén bê tông lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006
III	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI	
8	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
9	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
10	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
11	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006
12	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
13	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
14	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006
15	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
16	XĐ độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006
17	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
18	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0.075 mm bằng phương pháp rửa	TCVN 9205:2012
IV	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
19	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8826:2024
20	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2024
21	Xác định độ pH	TCVN 8826:2024
22	Phụ gia khoáng: xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009
23	Phụ gia khoáng: xác định độ ẩm	TCVN 8262:2009
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT ĐÁ TRONG PHÒNG	
24	Xác định thành phần cỡ hạt	AASHTO T88; TCVN 4198:2014
25	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020
26	Xác định giới hạn chảy, chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
27	Xác định chỉ số CBR	TCVN 12792:2020
VI	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
28	Xác định dung sai khối lượng	TCVN 1651:2018
29	Thử kéo	TCVN 197:2014
30	Thử uốn	TCVN 198:2008

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
VII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
31	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	AASHTO T191
VIII	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
32	Xác định cường độ nén, uốn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
IX	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
33	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
34	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
35	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
36	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
IX	THỬ KÉO THÉP NEO ĐÁ	
37	Thí nghiệm kéo thử thép neo đá	ASTM D4435:08 TCVN 13808:2023

Danh mục thiết bị chính Trạm thí nghiệm hiện trường
(Kèm theo Công văn số: ...12.../2026/CV-HP ngày .3. tháng 9. năm 2026)

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN	Máy	1	
2	Bộ gối uốn	Bộ	1	
3	Máy cắt mẫu	Máy	1	
4	Máy nén bê tông 2000 KN	Máy	1	
5	Tủ sấy	Cái	1	
6	Cân điện tử BC-100- OHAUS	Cái	1	
7	Cân điện tử BC-15- OHAUS	Cái	1	
8	Cân điện tử BC-15- OHAUS	Cái	1	
9	Cân điện tử BC-0.01- OHAUS	Cái	1	
10	Máy trộn bê tông	Máy	1	
11	Đầm dùi	Cái	2	
12	Máy trộn xi măng	Cái	1	
13	Bàn giã mẫu xi măng	Cái	1	
14	Bộ thiết bị xác định tỷ trọng xi măng	Bộ	1	
15	Bộ thiết bị XD thời gian ninh kết xi măng	Bộ	1	
16	Khuôn lấy mẫu vữa, xi măng 4x4x16 cm	Cái	6	
17	Bộ TN xác định độ xốp của cát	Bộ	1	
18	Bộ TN xác định độ xốp của đá	Bộ	1	
19	Bộ TN xác định KLR của cốt liệu	Bộ	1	
20	Bộ thí nghiệm nén đập xi măng	Bộ	1	
21	Bộ thiết bị TN xác định tạp chất hữu cơ	Bộ	1	
22	Thước TN xác định thoi dẹt	Cái	1	
23	Sàng: (70; 40; 25; 20; 19; 10; 9,5; 5; 4,75; 2,5; 2,36; 2; 1,25; 1,18; 1; 0,63; 0,60; 0,315; 0,3; 0,14; 0,15; 0,09; 0,075)	Bộ	1	
24	Thùng xác định bùn bụi sét đá	Cái	1	
25	Thùng xác định bùn bụi sét cát	Cái	1	
26	Thùng rửa đá	Cái	1	
27	Thùng đóng 20l, 10l, 5l, 2l, 1l	Bộ	1	
28	Bộ côn rút độ sụt loại N1	Bộ	2	
29	Bộ côn rút độ sụt loại N2	Bộ	1	
30	Khuôn đúc mẫu bê tông 15x15x15cm	Cái	90	
31	Khuôn đúc mẫu bê tông 20x20x20cm	Cái	54	
32	Bộ đầm chặt tiêu chuẩn	Bộ	1	
33	Bộ thí nghiệm chảy, dẻo	Bộ	1	
34	Bộ thí nghiệm rót cát	Bộ	4	
35	Máy khoan rút lõi	Máy	1	
36	Bộ máy tính, máy in	Bộ	1	

QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT

“V/v: Thành lập trạm thí nghiệm hiện trường thủy điện Đakrông 5”

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ điều lệ Công ty.
- Căn cứ vào trình độ và khả năng của cán bộ.

Điều 1: Thành lập Trạm thí nghiệm hiện trường thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát tại thôn A Liêng, xã Tà Rụt, tỉnh Quảng Trị để phục vụ công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng các hạng mục công trình thuộc Dự án Thủy điện Đakrông 5 do ông Nguyễn Thành Nam làm Trưởng trạm, phụ trách quản lý và các thành viên trong danh sách kèm theo quyết định này.

Điều 2: Ông Nguyễn Thành Nam, trưởng trạm thí nghiệm, phụ trách chính công tác hiện trường; phân công, kiểm tra, triển khai thực hiện, giám sát công tác thí nghiệm tại hiện trường. Các thành viên có tên trong danh sách chịu sự quản lý trực tiếp của Ông Nguyễn Thành Nam đến khi kết thúc công việc.

Điều 3: Ông Nguyễn Thành Nam, các thành viên có tên trong danh sách và các Phòng ban trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Lưu:

- Như điều 3
- VT CT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT



PGĐ. ĐỖ QUANG TIỆP

Danh sách nhân sự Trạm thí nghiệm hiện trường dự án Thủy điện Đakrông 5

(Kèm theo Quyết định số:⁰⁸./2026/QĐ-HP)

TT	Chức danh – Họ tên	Nhiệm vụ - chức năng	Ghi chú
1	Trưởng trạm TN – Nguyễn Thành Nam	Phụ trách chính công tác hiện trường; kiểm tra công tác thực hiện thí nghiệm; thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm.	
2	Trần Thanh Hùng	Thực hiện công tác thí nghiệm	
3	Cao Văn Hoài	Thực hiện công tác thí nghiệm	

Ghi chú: Tùy thuộc tiến độ, khối lượng công việc thực tế, Đơn vị thí nghiệm sẽ bố trí điều chuyển số lượng nhân sự phù hợp yêu cầu công việc.

2026
NG
PH
VÀ TH
PI
EM

Danh mục thiết bị Trạm thí nghiệm hiện trường dự án Thủy điện Đakrông 5

(Kèm theo Quyết định số:/2026/QĐ-HP)

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN	Máy	1	
2	Bộ gối uôn	Bộ	1	
3	Máy cắt mẫu	Máy	1	
4	Máy nén bê tông 2000 KN	Máy	1	
5	Tủ sấy	Cái	1	
6	Cân điện tử BC-100- OHAUS	Cái	1	
7	Cân điện tử BC-15- OHAUS	Cái	1	
8	Cân điện tử BC-15- OHAUS	Cái	1	
9	Cân điện tử BC-0.01- OHAUS	Cái	1	
10	Máy trộn bê tông	Máy	1	
11	Đầm dùi	Cái	2	
12	Máy trộn xi măng	Cái	1	
13	Bàn nghiền mẫu xi măng	Cái	1	
14	Bộ thiết bị xác định tỷ trọng xi măng	Bộ	1	
15	Bộ thiết bị XD thời gian ninh kết xi măng	Bộ	1	
16	Khuôn lấy mẫu vữa, xi măng 4x4x16 cm	Cái	6	
17	Bộ TN xác định độ xốp của cát	Bộ	1	
18	Bộ TN xác định độ xốp của đá	Bộ	1	
19	Bộ TN xác định KLR của cốt liệu	Bộ	1	
20	Bộ thí nghiệm nén đập xi măng	Bộ	1	
21	Bộ thiết bị TN xác định tạp chất hữu cơ	Bộ	1	
22	Thuốc TN xác định thoi dẹt	Cái	1	
23	Sàng: (70; 40; 25; 20; 19; 10; 9,5; 5; 4,75; 2,5; 2,36; 2; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.60; 0.315; 0,3; 0.14; 0,15; 0,09; 0,075)	Bộ	1	
24	Thùng xác định bùn bụi sét đá	Cái	1	
25	Thùng xác định bùn bụi sét cát	Cái	1	
26	Thùng rửa đá	Cái	1	
27	Thùng đóng 20l, 10l, 5l, 2l, 1l	Bộ	1	
28	Bộ côn rút độ sụt loại N1	Bộ	2	
29	Bộ côn rút độ sụt loại N2	Bộ	1	
30	Khuôn đúc mẫu bê tông 15x15x15cm	Cái	90	
31	Khuôn đúc mẫu bê tông 20x20x20cm	Cái	54	
32	Bộ đầm chặt tiêu chuẩn	Bộ	1	
33	Bộ thí nghiệm chảy, dẻo	Bộ	1	
34	Bộ thí nghiệm rót cát	Bộ	4	
35	Máy khoan rút lõi	Máy	1	
36	Bộ máy tính, máy in	Bộ	1	

Ghi chú: Thiết bị thí nghiệm sẽ được huy động theo giai đoạn thi công, đảm bảo đáp ứng kịp thời, đầy đủ công tác thí nghiệm.

Danh mục phép thử tại Trạm thí nghiệm hiện trường dự án Thủy điện Đakrông 5
(Kèm theo Quyết định số: ...08.../2026/QĐ-HP)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
7	Xác định cường độ nén bê tông lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006
III	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CÁP PHỐI	
8	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
9	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
10	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
11	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
12	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
13	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
14	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006
15	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
16	XD độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006
17	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
18	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0.075 mm bằng phương pháp rửa	TCVN 9205:2012
IV	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
19	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8826:2024
20	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2024
21	Xác định độ pH	TCVN 8826:2024
22	Phụ gia khoáng: xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009
23	Phụ gia khoáng: xác định độ ẩm	TCVN 8262:2009
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT ĐÁ TRONG PHÒNG	
24	Xác định thành phần cỡ hạt	AASHTO T88; TCVN 4198:2014
25	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020
26	Xác định giới hạn chảy, chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
27	Xác định chỉ số CBR	TCVN 12792:2020
VI	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
28	Xác định dung sai khối lượng	TCVN 1651:2018
29	Thử kéo	TCVN 197:2014
30	Thử uốn	TCVN 198:2008
VII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
31	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	AASHTO T191
VIII	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
32	Xác định cường độ nén, uốn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
IX	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
33	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
34	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
35	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
36	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
IX	THỬ KÉO THÉP NEO ĐÁ	
37	Thí nghiệm kéo thử thép neo đá	ASTM D4435:08 TCVN 13808:2023